TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **18**/2018/DSST
Ngày: 27 – 4 – 2018
V/v " Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vương

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2017 về việc*" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 03/TB-TA ngày 11/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 - 268, phường Z, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc G, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch B - Ngân hàng S Chi nhánh B.

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Trần Ngọc D - Phó phòng giao dịch B - Ngân hàng S chi nhánh B (Văn bản ủy quyền số 29b/2017/GUQ-PGDBB ngày 07/8/2017 và Văn bản ủy quyền số 03B/2018/GUQ-PGDBB ngày 02/01/2018) (Có mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Trung T, sinh năm: 1969. (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1972. (có mặt)

Cùng trú tại: Tổ 11, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H tỉnh Bình Phước

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Ngọc Đ – Chi cục trưởng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Chấp hành viên (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2017). (có mặt)

2. Ông Đỗ Trung L – sinh năm 1991 (vắng mặt)

3. Ông Đỗ Trung P – sinh năm 1995 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 11, Ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bình Phước:

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn P – Giám đốc

Ủy quyền cho: Ông Huỳnh D – Phó giám đốc.(Theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2018) (có mặt)

5. Bà Trịnh Thị M – sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản hòa giải và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng bà Trần Ngọc Diệu trình bày:

Ngày 26/01/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần S- phòng giao dịch B chi nhánh Bình Dương nay là Phòng giao dịch B, chi nhánh B (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã cho ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1602600388, thời hạn vay 24 tháng, với lãi suất thỏa thuận là 1.0%/tháng và được điều chỉnh 03 tháng một lần, trả lãi hàng tháng vào ngày 26 dương lịch hàng tháng, mục đích vay là để sửa chữa hàng rào, bổ sung vốn trồng cây ăn trái.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M có thế chấp tài sản là 01 thửa đất số 256 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 064941 cấp ngày 12/10/2000, có diện tích 15968m^2 do UBND huyện B (cũ) nay là huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Đỗ Trung T.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, thời hạn trả nợ gốc của hộ ông Đỗ Trung T lần 1 vào ngày 26/01/2017 với số tiền gốc phải trả là 100.000.000đ. Số tiền gốc còn lại phải trả khi hết hạn hợp đồng vào ngày 26/01/2018. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ gốc đợt 1 nhưng ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M không thực hiện việc trả tiền nợ gốc cho Ngân hàng như đã thỏa thuận.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết buộc ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 500.000.000đ và tiền lãi suất trong hạn là 92.339.822đ lãi suất quá hạn là 13.784.625 đ. Tổng số tiền phía nguyên đơn yêu cầu ông T, bà M phải trả là: 606.124.457 đ (Sáu trăm lẻ sáu triệu một trăm hai mươi tư ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng). Trong trường hợp hộ ông Đỗ Trung T không trả cho Ngân hàng số tiền trên đề nghị Tòa án xem xét phía Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc đề nghị Tòa án giải quyết vô hiệu hợp đồng tín dụng và yêu cầu phía Ngân hàng bồi

thường thiệt hại tổng số tiền 1.518.350.000đ bao gồm các khoản thiệt hại thực tế hiện tại và tương lai, bồi thường danh dự nhân phẩm và phạt hợp đồng một khoản tiền khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật thì phía Ngân hàng không đồng ý vì việc ký kết hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc tài sản đảm bảo cho khoản vay bị cưỡng chế kê biên một phần không phải do lỗi của Ngân hàng. Đồng thời khi nhận thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và các đương sự thì đã thỏa thuận bên thế chấp được quyền sử dụng, quản lý tài sản thế chấp mà không làm thay đổi hiện trạng tài sản. Việc Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án phát sinh do ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc đến hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Chứng cứ phía Ngân hàng cung cấp là toàn bộ hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông T, bà M cho phía Ngân hàng, sao lục quá trình trả tiền lãi và các tài liệu chứng minh hoạt động của Ngân hàng, tư cách tham gia tố tụng của người đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền của phía Ngân hàng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn yêu cầu phản tố, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M thống nhất trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thì ông T, bà M thống nhất có vay vốn và thế chấp tài sản đảm bảo cho Ngân hàng theo như nội dung Ngân hàng đã khởi kiện. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, ông T, bà M công nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản là hợp pháp. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán nợ ông T, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng là có lý do, do phía Ngân hàng vi phạm hợp đồng. Theo đó, ông T, bà M cho rằng tài sản mà ông T, bà M đã thế chấp nhưng không được Ngân hàng giữ gìn toàn vẹn. Ngân hàng nhận tài sản thế chấp đã gây thiệt hại cho ông T, bà M. Ông T, bà M đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố hợp đồng tín dụng vô hiệu và yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại bao gồm các khoản: tiền thiệt hại giảm sút kinh tế từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 16/3/2017 đến nay là 45.000.000đ/2 người, tiền luật sư tư vấn 10.000.000đ, tiền dự án trồng ổi không thực hiện đúng kế hoạch thiệt hại lợi nhuận là 1.400.000.000đ; Đề nghị bồi thường danh dự nhân phẩm uy tín và phạt hợp đồng một khoản tiền khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đề nghị Ngân hàng trả lại số tiền mà ông T, bà M đã đóng lãi cho Ngân hàng là 58.350.000đ cùng tiền lãi phát sinh 1%/tháng của số tiền này khoảng 5.000.000đ. Tổng số tiền là 1.518.350.000đ (một tỷ năm trăm mười tám triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) ngoài ra còn thiệt hại kinh tế hàng năm khoảng 900.000.000đ do mất thu hoạch trồng ổi.

Chứng cứ phía bà M, ông T cung cấp là các bản sao giấy tờ tùy thân, hợp đồng tín dụng, quyết định cưỡng chế kê chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (bản photo), 01 USB chứa file video chương trình "Bạn của nhà nông".

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Trung L và ông Đỗ Trung P là con ruột của ông T bà M đã được Tòa án thông báo hợp lệ qua ông T, bà M. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết vụ án không tham gia. Theo ông T, bà M trình bày

ông Long, ông Phụng đã được ông T, bà M thông báo về việc khởi kện, thụ lý vụ án, hòa giải và xét xử nhưng ông Long, ông Phụng do việc học và làm việc không thể tham gia. Mặt khác, vấn đề giải quyết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của hộ Gia đình ông liên quan đến Ngân hàng thì ông Long, ông Phụng đã ủy quyền cho ông T, bà M theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/1/2013 nên mọi việc xử lý tài sản thế chấp ông T bà M quyết định. Tại phiên Tòa ngày hôm nay, ông Phụng có mặt và đồng ý với ý kiến của ông T, bà M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H trình bày:

Đối với phần đất liên quan đến đất mà bà M, ông T đã thế chấp Ngân hàng có liên quan đến quyết định cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất, và tài sản trên đất theo đúng quyết định số 08/QĐ-CCTHADS ngày 14/3/2016 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện H. Do bà Nguyễn Thị Kiều (tên trước của bà Nguyễn Thị Tuyết M) phải thi hành Quyết định số 51/2009/QĐST-DS ngày 9/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước. Theo quyết định của Tòa án bà K phải trả cho bà Nguyễn Thị R 03 chỉ vàng 9999. Do bà K (sau này được xác định là bà M) không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án huyện B cũ đã ban hành Quyết định thi hành án số 110/QĐ-THA ngày 9/11/2009 và do thành lập thị xã Bình Long và đổi tên huyện H nên hồ sơ đã chuyển giao về cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H thụ lý giải quyết. Ngày 10/3/2010 Thi hành án huyện H đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-THA và quyết định cắt 01 phần đất trong diện tích đất mà ông T, bà M đã thế chấp cho Ngân hàng (1011m^2) để đảm bảo thi hành án cho bà R. Quá trình giao đất, người trúng đấu giá là bà Trịnh Thị M đã thay đổi yêu cầu không nhận tài sản là diện tích đất nêu trên và Thi hành án đã giao trả lại tiền đấu giá cho bà Trịnh Thị M. Hiện tại, phần đất này chưa giao được và vẫn thuộc quyền quản lý của ông T, bà M. Ngoài ra, đối với người yêu cầu Thi hành án là bà Nguyễn Thị R, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H đã làm việc với bà R và bà R đã có ý kiến xin rút đơn yêu cầu Thi hành án để các bên tự giải quyết với nhau không yêu cầu cơ quan Thi Hành án tiếp tục Thi hành án nên ngày 7/7/2017 Chi cục Thi hành án đã ban hành Quyết định số 28/QĐ-CCTHADS đình chỉ giải quyết Thi hành án và Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS giải tỏa kê biên để thi hành án đối với phần đất 1011m^2 nêu trên và cung cấp toàn bộ chứng cứ cho Tòa án huyện. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện H (sau đây viết tắt là VPĐKĐĐ huyện H) tại văn bản số 67/CN.VPĐKĐĐ ngày 28/3/2018 và tại phiên Tòa trình bày:

Ngày 26/01/2016 Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện H có tiếp nhận hồ sơ đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất số 545/2016/TNMT của hộ ông Đỗ Trung T bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S chi nhánh Bg, Phòng giao dịch B do bà Nguyễn Vũ Bích T phó phòng giao dịch làm đại diện. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thế chấp của hộ ông T, do sai sót của các bộ phận chuyên môn, trong quá trình thẩm tra hồ sơ quyết định thi hành án có từ năm 2009 và quyết định kê biên một phần thửa đất năm 2012 có từ thời gian rất lâu dẫn đến sự nhầm lẫn. Mặt khác, UBND xã T đã ký vào đơn xác nhận tình trạng đất

của hộ ông Đỗ Trung T là không tranh chấp và không bị kê biên Thi hành án nên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H đã ký duyệt hồ sơ đăng ký thế chấp cho hộ ông T khi đã có quyết định kê biên một phần thửa đất. Như vậy hồ sơ đăng ký thế chấp là chưa phù hợp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị M vắng mặt tại phiên Tòa, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 02/04/2018 đã trình bày:

Khoảng thời gian năm 2015, 2016 bà có trúng bán đấu giá đất diện tích khoảng 1.000m^2 chủ sử dụng là hộ ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Tuyết M. Tuy nhiên, sau này do quá trình cưỡng chế đất gặp nhiều khó khăn nên sau đó bà thay đổi ý kiến không tiếp tục mua đất nữa. Số tiền bà bỏ ra mua đất trúng đấu giá bà đã được nhận lại đầy đủ. Do đó, bà không có ý kiến gì về vụ án giữa Ngân hàng và ông T, bà M. Ngoài ra, vì do công việc bà đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng. Nguyên, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định.

- Về nội dung: Nguyên, bị đơn đều xác định và thừa nhận ngày 26/01/2016 giữa Ngân hàng với vợ chồng ông T, bà M có ký kết hợp đồng tín dụng, theo đó bà M, ông T vay Ngân hàng với số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng; Tài sản thế chấp để bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 15.968m^2 thửa số 256 tờ bản đồ 34 do UBND huyện B cấp cho hộ ông T. Sau khi giải ngân vợ chồng ông, bà Thành, Mai không thực hiện trả tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng là đã vi phạm không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thoả thuận trong hợp đồng nêu trên. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 và 721 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố của phía bị đơn căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không có cơ sở chấp nhận tuyên bố hợp đồng vô hiệu và phía Ngân hàng không gây thiệt hại cho phía bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía ông Đỗ Trung L là con ruột của ông T bà M đã được Tòa án thông báo hợp lệ qua ông T, bà M nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà M vắng mặt tại phiên Tòa, tuy nhiên qua lời khai bà M có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L, bà M là có căn cứ.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP S (Sacombank)– chi nhánh B khởi kiện yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Tuyết M có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 11, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền vay gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 39 và điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thủ tục tố tụng.

Về thời hiệu khởi kiện: Thời hạn trả nợ gốc lần đầu theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là ngày 26/01/2017. Tuy nhiên đến hạn trả nợ tiền gốc nhưng ông T, bà M không trả nợ gốc theo thỏa thuận. Do đó ngày 06/3/2017 Ngân hàng Sacombank Bàu Bàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp để thu hồi nợ do bị đơn vi phạm nghĩa vụ. Như vậy tính đến ngày Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án thì vụ án vẫn còn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 159 của Bộ luật dân sự 2005.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 26/01/2016, Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng cho ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1602600388, thời hạn vay 24 tháng, với lãi suất thỏa thuận là 1.0%/tháng và được điều chỉnh 03 tháng một lần, trả lãi hàng tháng vào ngày 26 dương lịch hàng tháng, mục đích vay là để sửa chữa hàng rào, bổ sung vốn trồng cây ăn trái. Số tiền này phía ông T, bà M đã nhận trực tiếp từ Ngân hàng. Qua chứng cứ phía Ngân hàng cung cấp, thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cụ thể: Theo hợp đồng tín dụng thời hạn vay 2 năm số tiền 500.000.000đ thì thời hạn trả nợ gốc lần 1 theo phụ lục lịch trả nợ số tiền 100.000.000đ là ngày 26/01/2017 nhưng phía ông T, bà M không thực hiện, như vậy ông T bà M đã vi phạm về phương thức trả nợ theo khoản 9 của hợp đồng tín dụng đáp ứng đúng yêu cầu phụ lục tại Khoản 1 về việc thu hồi nợ trước hạn mà Ngân hàng đã ký kết với ông T, bà M. Ông T, bà M đề nghị Tòa án xem xét hợp đồng tín dụng vô hiệu với lý do phía Ngân hàng không đòi lại tài sản là 01 phần quyền sử dụng đất khi thửa đất của ông bà bị Thi hành án huyện H cưỡng chế kê biên theo hợp đồng thế chấp bảo đảm tài sản. Xét thấy, hợp đồng tín dụng các bên đều thừa nhận thỏa thuận vay nợ trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật, như vậy hợp đồng tín dụng có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do ông T, bà M vi phạm điều khoản của hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông T và bà M cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu của ông T, bà M đề nghị hợp đồng tín dụng vô hiệu không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo cho khoản vay phía ông T, bà M đã thế chấp cho phía Ngân hàng là quyền sử dụng đất diện tích 15.968 m^2 tọa lạc tại

ấp 2, xã T, huyện H, Bình Phước theo hợp đồng thế chấp số 92/2016 ngày 26/01/2016. Qua các chứng cứ các bên cung cấp và xác minh của Tòa án thể hiện thửa đất trên đã bị kê biên một phần diện tích 1.011m^2 theo Quyết định thi hành án số 110/QĐ-THA ngày 9/11/2009 của Chi cục Thi hành án huyện B cũ để đảm bảo thi hành án cho Quyết định số 51/2009/QĐST-DS ngày 9/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện B (cũ), tỉnh Bình Phước. Theo quyết định của Tòa án bà K (sau này được xác định là bà Nguyễn Thị Tuyết M) phải trả cho bà Nguyễn Thị R 03 chỉ vàng 9999. Do bà M không tự nguyện Thi hành án nên ngày 14/3/2016 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H đã ban hành quyết định cưỡng chế kê biên 1.011m^2 trong diện tích đất 15.968 m^2 của hộ ông T, bà M để giao đất cho bà Trịnh Thị M người trúng đấu giá. Như vậy, tại thời điểm ông T, bà M thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng thì thửa đất đã bị kê biên một phần, không đáp ứng đúng yêu cầu của hợp đồng thế chấp. Điều này cũng được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, UBND xã T thừa nhận có sai sót trong quá trình thẩm tra để ký hồ sơ ông T bà M thế chấp cho Ngân hàng. Việc các bên đăng ký thế chấp đã ảnh hưởng đến quyền lợi của người được Thi hành án và người trúng đấu giá khi thi hành Quyết định của Tòa án và chính quyền lợi của Ngân hàng, lẽ ra cần tuyên bố giao dịch đăng ký tài sản đảm bảo là vô hiệu và xử lý hậu quả buộc các bên trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, qua xem xét trả lời của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H thì phía người được Thi hành án bà Nguyễn Thị R đã rút đơn yêu cầu Thi hành án để các bên tự giải quyết với nhau không yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục Thi hành án và người trúng đấu giá là bà Trịnh Thị M đã thay đổi yêu cầu không nhận tài sản là diện tích đất nêu trên và Thi hành án đã giao trả lại tiền đấu giá cho bà Trịnh Thị M. Như vậy, quyền lợi của bà M đã được hoàn trả. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thi hành án Dân sự huyện H đã ban hành Quyết định số 28/QĐ-CCTHADS ngày 7 tháng 7 năm 2017 đình chỉ giải quyết và Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS giải tỏa kê biên diện tích đất trên, đến thời điểm hiện tại thửa đất 15.968m^2 không bị kê biên để đảm bảo cho bản án, quyết định nào khác của Tòa án thì quyền lợi của Ngân hàng vẫn được bảo vệ. Mặt khác, khi đăng ký tài sản thế chấp ý chí các bên đều tự nguyện, thời điểm đăng ký thế chấp ông T, bà M có thiện chí thế chấp tài sản để được vay vốn Ngân hàng nên để đảm bảo quyền lợi của phía Ngân hàng theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Điều 7 Nghị Quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu, cần giữ nguyên tính hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản. Trong trường hợp ông T, bà M không trả được số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản để đảm bảo thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu phản tố của ông T, bà M đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng bồi thường số tiền 1.518.350.000đ (Một tỷ năm trăm mười tám triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó có tiền đóng lãi 58.350.000đ theo hợp đồng tín dụng. Mất đất canh tác dự án trồng ổi bị hư hỏng, luật sư tư vấn, giảm sút kinh tế do mất năng suất thu hoạch vườn ổi trong 5 năm là 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu). Ngoài ra, ông T, bà M còn yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm, uy tín và phạt hợp đồng. Xét thấy, đối với số tiền đóng lãi cho Ngân hàng là thỏa thuận của các bên, việc ông T, bà M

đóng lãi là thực hiện theo hợp đồng tín dụng. Như đã nhận định ở trên hợp đồng tín dụng có hiệu lực giữa các bên nên yêu cầu này của ông T, bà M không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền 1.400.000.000đ và bồi thường danh sự, uy tín nhân phẩm mà ông T, bà M yêu cầu là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Khoản 2, Điều 2 cũng đã quy định rõ phía Ngân hàng chỉ quản lý giữ bản chính Giấy tờ liên quan đến tài sản đảm bảo là GCNQSDĐ của ông T, bà M chứ không trực tiếp quản lý thửa đất. Mọi vấn đề canh tác sử dụng thửa đất do ông T, bà M canh tác trồng cây ăn trái, do đó không có cơ sở để cho rằng phía Ngân hàng can thiệp làm hư hỏng vườn ổi như lời trình bày của ông T, bà M. Ông T, bà M cho rằng vấn đề Thi hành án cưỡng chế một phần quyền sử dụng đất của ông bà, nay lại đình chỉ giải tỏa kê biên làm ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, ông bà có quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo thủ tục chung. Chứng cứ phía ông T, bà M cung cấp là 01 USB chứa file video chương trình "Bạn của nhà nông" qua lời khai của ông T thể hiện chỉ là chương trình hướng dẫn trồng ổi thông thường và dự kiến lợi nhuận sau khi thu hoạch không liên quan trực tiếp đến hành vi hay vi phạm hợp đồng trực tiếp từ phía Ngân hàng đối với ông T, bà M nên yêu cầu phản tố không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên Tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về vấn đề tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và quan điểm về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Án phí được tính như sau:

20.000.000đ + 4% x 106.124.457đ = 24.244.000đ

Ngoài ra, ông T và bà M phải chịu án phí liên đối với yêu cầu phản tố đề nghị Ngân hàng bồi thường thiệt hại không được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 5, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Án phí được tính như sau:

36.000.000đ + 3% x 718.350.000đ = 57.550.500đ

Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do yêu cầu của phía nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 1, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ông T , bà M phải chịu 2.000.000đ . Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí nên phía ông T, bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 10, 122, 343, 351 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ Điều 130 Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh B, Phòng giao dịch B.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố bị đơn của ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh B, Phòng giao dịch B bồi thường thiệt hại với số tiền 1.518.350.000đ (Một tỷ năm trăm mười tám triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) .

Buộc ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh B, phòng giao dịch B theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1602600388 ngày 26/01/2016 và hợp đồng thế chấp số 92/2016 ngày 26/01/2016. Số tiền còn nợ tính đến ngày 27/4/2018, gồm:

Nợ gốc: 500.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: 92. 339.822 đ

Nợ lãi quá hạn 13.784.625 đ

Tổng cộng: **606.124. 457đ (Sáu trăm linh sáu triệu một trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng**).

Kể từ ngày 27/4/2018 ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Đỗ Trung T, bà Nguyễn Thị Tuyết M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh B, Phòng giao dịch B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: thửa đất số 256 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 064941 cấp ngày 12/10/2000, có diện tích 15968m^2 do UBND huyện B (cũ) nay là huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Đỗ Trung T.

Về án phí: Ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 24.244.000 đ *(Hai mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)* và 57.550.500đ *(Năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng)* tiền án phí yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng số tiền án phí phải chịu là 81.794.500đ (*Tám mươi mốt triệu băy trăm chín mươi tư ngàn năm trăm đồng)*. Khấu

trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T bà M đã nộp **28.775.250** *(Hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng)* theo biên lai thu số 0012310 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Ông T, bà M còn phải nộp là 53.019.250đ *(năm mươi ba triệu không trăm mười chín ngàn hai trăm năm mươi đồng)*.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh B, Phòng giao dịch B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.567.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011999 ngày 15/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông T , bà M phải chịu 2.000.000đ . Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí nên phía ông T, bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh B, Phòng giao dịch B số tiền 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng